

Số: 05/2025/QĐST-KDTM

Thành phố B, ngày 03 tháng 4 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ biên bản hòa giải thành ngày 26/3/2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 05/2025/TLST-KDTM ngày 03 tháng 02 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần N;

Trụ sở tại: C, Phường A, Quận B, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngô Phúc V – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền ký đơn khởi kiện: Ông Trần Huy C – Giám đốc Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh B – Phòng giao dịch B.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1972;

Địa chỉ: khu phố A, phường B, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Nguyễn Thị Ngọc H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N số tiền tạm tính đến ngày 26/3/2025 là 2.517.228.190 (hai tỷ, năm trăm mười bảy triệu, hai trăm hai mươi tám nghìn, một trăm chín mươi) đồng, trong đó nợ gốc là 2.349.967.662 (hai tỷ, ba trăm bốn mươi chín triệu, chín trăm sáu mươi bảy nghìn, sáu trăm sáu mươi hai) đồng, lãi trong hạn 23.911.760 (hai mươi ba triệu, chín trăm mười một nghìn, bảy trăm sáu mươi) đồng, lãi quá hạn 142.544.349 (một trăm bốn mươi hai triệu, năm trăm bốn mươi bốn nghìn, ba trăm bốn mươi chín) đồng, lãi chậm trả lãi 804.419 (tám

trăm lẻ bốn nghìn, bốn trăm mười chín) đồng.

2.2. Kể từ ngày 27/3/2025, bà Nguyễn Thị Ngọc H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết.

2.3 Để đảm bảo quyền lợi cho bên cho vay, trong trường hợp bà Nguyễn Thị Ngọc H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đủ số nợ thì Ngân hàng TMCP N được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý, phát mãi các tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp tài sản số 0115/2023/607-TD-BĐ ngày 22/11/2023 và Hợp đồng thế chấp số 0008/2023/607-BĐ ngày 22/11/2023 mà bà Nguyễn Thị Ngọc H đã ký để thu hồi nợ; tài sản thế chấp gồm Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc các thửa đất như sau:

Thửa đất số 590, tờ bản đồ số 16 tọa lạc tại thị trấn T, huyện B, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 470209 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 04/9/2019 cho bà Nguyễn Thị Ngọc H.

Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 642263 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 12/3/2021 cho bà Nguyễn Thị Ngọc H.

Thửa đất số 93, tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 642261 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 12/3/2021 cho bà Nguyễn Thị Ngọc H.

Thửa đất số 94, tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 642262 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 12/3/2021 cho bà Nguyễn Thị Ngọc H.

2.3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu số tiền án phí là 41.172.000 (bốn mươi một triệu, một trăm bảy mươi hai nghìn) đồng. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B hoàn lại cho Ngân hàng TMCP N số tiền 40.287.000 (bốn mươi triệu, hai trăm tám mươi bảy nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007860 ngày 24/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phạm Thị Thi